

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 173/2025/HS-PT

Ngày: 07/11/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Huệ

Các Thẩm phán: Ông Mai Nam Tiến

Ông Lê Ngọc Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 225/2025/TLPT-HS ngày 03 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Thị H, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2025/HS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - tỉnh Thanh Hóa; đối với bị cáo:

Nguyễn Thị H, sinh ngày 16/6/1985, tại xã T (xã N, huyện Đ), Thành phố Hà Nội; CCCD số: 001185016055; danh bản, chỉ bản số 111 lập ngày 23/5/2025 tại Phòng PV06 Công an tỉnh T; Nơi cư trú: khu phố L, xã L (thị trấn L, huyện T cũ), tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu Đ và bà Ngô Thị H1; có chồng là Nguyễn Thành Đ1 (đã ly hôn) và 02 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1967; vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố D, xã Y (thị trấn T, huyện Y cũ), tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 31/7/2023, bà Nguyễn Thị P mang 50.000.000 đồng đến Bưu cục thị trấn T gặp Nguyễn Thị H là giao dịch viên của Bưu cục để gửi tiền tiết kiệm. Do H muốn sử dụng số tiền của bà P để kinh doanh và chi tiêu cá nhân, nên H không nói cho bà P biết tại thời điểm này Bưu cục T không được thu gom tiền gửi tiết

kiệm của người dân dưới bất kỳ hình thức nào, mà H vẫn đồng ý nhận tiền gửi tiết kiệm để làm sổ tiết kiệm cho bà P. Bà P tin Bưu cục T vẫn nhận và làm sổ tiết kiệm cho người dân, nên đã đưa cho Nguyễn Thị H số tiền 50.000.000đ. H nhận tiền và sử dụng loại biên lai thu tiền theo mẫu BĐ22 không số, đây là biên lai sử dụng để cung cấp các dịch vụ Bưu chính, không phải là ấn phẩm sử dụng để cung cấp dịch vụ tiết kiệm bưu điện, để ghi nội dung tiền thu “gửi tiết kiệm 12 tháng lãi 7% năm”, có chữ ký của Nguyễn Thị H ở mục “Người thu tiền” đưa lại cho bà P để làm tin, đồng thời giải thích với bà P không cần lấy sổ tiết kiệm, khi nào cần lấy tiền thì cầm tờ biên lai thu tiền xuống bưu cục T là rút được tiền.

Do tin tưởng nên bà P không hỏi lại xem H đã mở sổ tiết kiệm chưa, sau đó Nguyễn Thị H đã sử dụng số tiền 50.000.000đ vào kinh doanh và chi tiêu cá nhân hết. Đến ngày 17/11/2023, bà P cần rút tiền tiết kiệm để lo việc gia đình nên đã liên lạc qua tài khoản Zalo với H để rút khoản tiền tiết kiệm đã gửi. Do đã sử dụng hết số tiền 50.000.000 đồng của bà P, nên H nói dối bà P là đã làm sổ tiết kiệm Bưu điện đứng tên Nguyễn Thị H, và yêu cầu bà P cầm tờ biên lai thu tiền xuống để lấy tiền, nhằm mục đích kéo dài thời gian trả tiền cho bà P. Đến ngày 20/11/2023, bà P cầm tờ biên lai thu tiền xuống nhà H đưa cho H để lấy tiền, nhưng H nói ngày mai mới rút được tiền, nên bà P1 đã yêu cầu Hương

Viết giấy vay tiền có nội dung hẹn ngày 21/11/2023 sẽ rút tiền gửi lại cho bà P số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Tờ biên lai thu tiền bà P đưa lại cho H, H không nhớ đã rút ở đâu.

Bà P đã nhiều lần yêu cầu, nhưng H không có tiền để trả. Đến ngày 14/01/2024, bà P1 lại đến nhà H yêu cầu trả tiền, H tiếp tục khất sau 3 tháng sẽ trả số tiền trên, đồng thời H đưa cho bà P 01 (một) giấy xác nhận với nội dung H có vay của bà P số tiền 50.000.000đ.

Đến hẹn, H vẫn không trả tiền cho bà P. Ngày 06/9/2024, bà P gửi đơn đến cơ quan Công an, tố cáo hành vi lừa đảo của Nguyễn Thị H và giao nộp file hình ảnh tờ biên lai thu tiền mà H đã viết đưa cho bà P. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định trưng cầu giám định file hình ảnh chụp biên lai H đưa cho bà P. Kết luận giám định kết luận ảnh chụp biên lai không bị cắt ghép, chỉnh sửa.

Vật chứng thu giữ: Gồm 16 ảnh chụp màn hình tin nhắn giữa H và bà P1; 01 ảnh chụp biên lai thu tiền và 02 giấy vay tiền do bà P giao nộp khi đến cơ quan Công an tố giác tội phạm.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi bị khởi tố, Nguyễn Thị H đã bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho bà P. Bà P không có yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

* Tại Bản án số 15/2025/HS-ST ngày 26/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - tỉnh Thanh Hóa:

- Căn cứ: Điểm c, đ khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.
- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị H 02 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

* Ngày 08/9/2025, bị cáo Nguyễn Thị H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo H giữ nguyên nội dung kháng cáo.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H, giữ nguyên mức hình phạt 02 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định pháp luật. Bị cáo H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

* Bị cáo H thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội; thống nhất nội dung phát biểu của đại diện Viện kiểm sát; không có tranh luận gì; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo, để bị cáo có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng hai con nhỏ sinh năm 2011 và 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H làm trong thời hạn theo quy định tại Điều 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu khác thu thập có trong hồ sơ, đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo Nguyễn Thị H là giao dịch viên tại Bưu cục T, huyện Y. Bị cáo không có thẩm quyền thu tiền của người dân để làm sổ tiết kiệm và biết rõ thời điểm này Bưu cục Thống Nhất không được thu tiền gửi tiết kiệm của nhân dân dưới bất kỳ hình thức nào. Ngày 31/7/2023, bà Nguyễn Thị P đến Bưu cục gửi tiền tiết kiệm, H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền của bà P, nên H đã đưa ra thông tin sai sự thật là Bưu cục Thống Nhất vẫn nhận tiền gửi tiết kiệm của khách hàng, bà P tin nên đã đưa cho H số tiền 50.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, H viết 01 tờ biên lai thu tiền theo mẫu BĐ22 (loại biên lai không số, không sử dụng trong thu tiền tiết kiệm) đưa cho bà P để tạo lòng tin. Sau đó H đã sử dụng số tiền chiếm đoạt được để kinh doanh, chi tiêu cá nhân.

Với hành vi trên, Tòa án nhân dân khu vực 8 - tỉnh Thanh Hóa đã tuyên xử bị cáo Nguyễn Thị H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" với tình tiết định khung hình phạt là chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng và lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng danh nghĩa của cơ quan, tổ chức quy định tại điểm c, đ khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đầy đủ tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; nhân thân; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; để quyết định mức hình phạt 02 năm 03 tháng tù đối với bị cáo Nguyễn Thị H là phù hợp. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

Xét nội dung kháng cáo xin hưởng án treo: Tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo H xuất trình phiếu Biên nhận ủng hộ quỹ vì người nghèo xã L; mẹ bị cáo là bà Ngô Thị H1 được Chủ tịch UBND tỉnh T tặng Bằng khen đã có thành tích tham gia trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; đơn xác nhận thông tin về cư trú, xác định bị cáo và hai con cư trú tại xã L, tỉnh Thanh Hóa, chủ hộ bà Ngô Thị H1. Hội đồng xét xử xem xét đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự bị cáo được hưởng.

Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự, điều kiện hoàn cảnh khó khăn, nuôi hai con nhỏ; vì vậy, không cần thiết bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ điều kiện bị cáo tự cải tạo và không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và cũng phù hợp với quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Bị cáo H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H; sửa một phần Bản án số 15/2025/HS-ST ngày 26/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 tỉnh Thanh Hóa;

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ: Điểm c, đ khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị H 02 năm 03 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị H cho UBND xã L, tỉnh Thanh Hóa quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Giao cho Công an xã L, tỉnh Thanh Hóa tham mưu và trực tiếp giúp UBND xã L quản lý, giám sát, giáo dục đối với Nguyễn Thị H.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước đó và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

* Án phí phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

* Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

* Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Hiệu

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp Thanh Hóa;
- VKS, TA, THAHS, THADS khu vực 8;
- Người tham gia tố tụng;
- Tổ HC-TP
- Lưu hồ sơ vụ án.